

THÔNG TƯ số 41/2003/TT-BTC ngày 06/5/2003 hướng dẫn thi hành Điều 5 Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên.

Thi hành Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên;

Sau khi thống nhất với Ngân hàng Nhà nước (Công văn số 378/NHNN-CSTT ngày 16/4/2003 của Ngân hàng Nhà nước);

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Điều 5 của Quyết định này như sau:

I. HỖ TRỢ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Ngân sách trung ương hỗ trợ mức 4 triệu đồng/ha cho diện tích đất thực tế khai hoang theo đề án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt bao gồm cả đất phục vụ cho sản xuất và đất ở (không phân biệt diện tích đất phải khai hoang là đất ruộng 1 vụ hay 2 vụ lúa nước hoặc đất nương, rẫy). Trường hợp hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số được giao đất theo Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ mà tự khai hoang thì cũng được hỗ trợ theo mức 4 triệu đồng/ha.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ tiền đền bù công khai hoang, kể cả hoa lợi (nếu có) không quá 4 triệu đồng/ha đối với đất trồng cây hàng năm khi thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân.

3. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng địa phương được xác định trên cơ sở quyết định thu hồi đất (thu hồi vườn cây), quyết định giao đất (biên bản giao nhận đất hoặc đất có vườn cây). Căn cứ vào mức hỗ trợ của Ngân sách trung ương và tình hình cụ thể của địa phương, Sở Tài chính - Vật giá xây dựng mức hỗ trợ cụ thể để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

II. TIẾP NHẬN VƯỜN CÂY VÀ GIAO VƯỜN CÂY THU HỒI CHO CÁC HỘ DÂN

1. Đánh giá lại giá trị vườn cây thu hồi.

- Căn cứ để đánh giá lại giá trị vườn cây (không tính giá trị quyền sử dụng đất) là thực trạng vườn cây tính theo giá bán vườn cây tại thị trường địa phương ở thời điểm bàn giao, đồng thời có xem xét giá trị đầu tư thực tế cho vườn cây đến thời điểm bàn giao.

- Thành lập Hội đồng đánh giá lại giá trị vườn cây. Thành viên của Hội đồng gồm: lãnh đạo Sở Tài chính - Vật giá - Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các thành viên khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Tiếp nhận vườn cây thu hồi và giao cho hộ dân.

2.1. Đối với vườn cây của doanh nghiệp nhà nước.

a) Đối với vườn cây được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ kết quả đánh giá lại giá trị vườn cây, doanh nghiệp nhà nước:

- Điều chỉnh tăng, giảm trên sổ sách phân chênh lệch giữa giá trị vườn cây đã được đánh giá

lại với giá trị vườn cây hạch toán trên sổ sách. Lập biên bản bàn giao vườn cây với cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận vườn cây (Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Sau khi thực hiện bàn giao thì ghi giảm vốn Ngân sách Nhà nước theo giá trị vườn cây thực tế đã bàn giao. Lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý), Sở Tài chính - Vật giá (đối với doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý).

b) Đối với vườn cây được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng.

Căn cứ kết quả đánh giá lại giá trị vườn cây, doanh nghiệp Nhà nước:

- Cùng với tổ chức tín dụng cho vay vốn và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập biên bản bàn giao vườn cây, khoan nợ vay đối với số dư nợ vay còn lại đến thời điểm bàn giao; lập biên bản bàn giao vườn cây và bàn giao nợ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Điều chỉnh tăng, giảm trên sổ sách phần chênh lệch giữa giá trị vườn cây đã được đánh giá lại với giá trị vườn cây hạch toán trên sổ sách. Nếu giá trị vườn cây trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp (khoản vay tín dụng) lớn hơn giá trị vườn cây đã được đánh giá lại thì Ngân sách địa phương hỗ trợ phần chênh lệch này cho doanh nghiệp để trả nợ tổ chức tín dụng. Nếu giá trị vườn cây trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp nhỏ hơn giá trị vườn cây đã được đánh giá lại thì phần chênh lệch này được hạch toán vào thu Ngân sách địa phương. Sau khi thực hiện bàn giao vườn cây, doanh nghiệp ghi giảm vốn vay của các tổ chức tín dụng theo giá trị vườn cây hạch toán trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

c) Đối với vườn cây được đầu tư bằng nguồn vốn khác.

Đối với vườn cây thu hồi do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế (các quỹ của doanh nghiệp), từ nguồn vốn huy động khác (huy động của các tổ chức và cá nhân) thì doanh nghiệp được Ngân sách địa phương thanh toán theo giá trị vườn cây trên sổ sách kế toán. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị vườn cây đã được đánh giá lại với giá trị vườn cây trên sổ sách kế toán được hạch toán vào thu (giá trị đánh giá lại lớn hơn giá trị trên sổ sách kế toán) hoặc ghi chi (giá trị đánh giá lại nhỏ hơn giá trị trên sổ sách kế toán) Ngân sách địa phương.

2.2. Đối với vườn cây thu hồi của doanh nghiệp dân doanh và cá nhân.

Trong trường hợp này, Ngân sách địa phương có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho doanh nghiệp dân doanh và cá nhân ngay sau khi nhận bàn giao vườn cây như sau:

- Tiền đền bù thiệt hại về đất theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

- Giá trị vườn cây đã được đánh giá lại.

2.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận vườn cây và thực hiện giao vườn cây cho các hộ dân theo giá trị đã được đánh giá lại. Hộ dân được giao vườn cây phải ký hợp đồng nhận nợ với Ủy ban nhân dân cấp huyện theo giá trị vườn cây đã được đánh giá lại.

3. Ghi nhận nợ khi giao vườn cây lâu năm cho hộ dân.

3.1. Việc bàn giao vườn cây lâu năm cho các hộ dân được thực hiện cùng thời điểm với bàn giao đất có vườn cây lâu năm bằng biên bản ký kết giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với chủ hộ được

giao vườn cây lâu năm. Biên bản bàn giao vườn cây lâu năm được lập thành 04 bản:

- 01 bản do Phòng Tài chính cấp huyện giữ;
- 01 bản do doanh nghiệp, cá nhân có vườn cây bị thu hồi giữ;
- 01 bản do hộ dân được giao vườn cây lâu năm giữ;
- 01 bản chuyển cho Sở Tài chính - Vật giá.

Nội dung chủ yếu của biên bản bàn giao vườn cây lâu năm gồm: nguồn vốn hình thành vườn cây, bên giao (đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện), bên nhận vườn cây, các bên liên quan khác (doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng), vị trí, địa điểm, diện tích (các trích lục bản đồ), hiện trạng cây trồng, giá trị của vườn cây theo đánh giá lại, thời gian thanh toán giá trị vườn cây và các thông tin khác có liên quan.

3.2. Hộ dân được giao vườn cây lâu năm (giao đất) ký nhận nợ giá trị vườn cây với Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính cấp huyện). Trong thời gian chưa trả nợ không phải trả lãi. Thời gian trả nợ phù hợp với chu kỳ kinh tế, mùa vụ thu hoạch và thời gian kinh doanh còn lại của vườn cây theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng tối đa là 10 năm.

Hộ dân trả nợ trước thời hạn 1 năm được giảm 4% trên tổng giá trị vườn cây nhận nợ phải trả, trước 2 năm trở lên thì mỗi năm được giảm thêm 4% trên tổng giá trị vườn cây nhận nợ phải trả.

3.3. Ngân sách trung ương thanh toán cho tổ chức tín dụng các khoản tiền sau:

- Khoản lãi tiền vay mà doanh nghiệp nhà nước phải trả cho tổ chức tín dụng đến thời điểm bàn giao vườn cây;
- Khoản lãi tiền vay trong thời gian khoan nợ;

- Khoản tiền các hộ dân được giảm do trả nợ cho tổ chức tín dụng trước thời hạn.

4. Thu hồi nợ và thanh toán nợ.

4.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum chỉ đạo việc thu hồi nợ vườn cây của các hộ dân được giao đất có vườn cây ở từng địa phương.

4.2. Thu hồi nợ và thanh toán nợ như sau:

- Nguồn nợ thu được đối với vườn cây được đầu tư bằng nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước, vườn cây thu hồi của doanh nghiệp dân doanh và cá nhân, thì nộp Ngân sách địa phương;

- Nguồn nợ thu được đối với vườn cây được đầu tư bằng vốn tín dụng thì trả cho tổ chức tín dụng, số dư ra nộp Ngân sách địa phương;

- Nguồn nợ thu được đối với vườn cây của doanh nghiệp được đầu tư bằng các nguồn vốn khác thì trả cho doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp đã giải thể thì nộp Ngân sách địa phương;

Số nợ thu được nộp Ngân sách địa phương dùng để đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch ở địa phương theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum chịu trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này, quyết định thời gian thanh toán trả nợ giá trị vườn cây lâu năm.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, giao vườn cây cho các hộ dân, ký nhận nợ, thu hồi nợ và thanh toán nợ.

2. Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum có trách nhiệm:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện Thông tư này;

- Hướng dẫn đánh giá lại giá trị vườn cây lâu năm thu hồi và bàn giao cho các hộ gia đình, cá nhân;

- Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian các hộ dân phải thanh toán trả nợ giá trị vườn cây lâu năm.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

NGUYỄN NGỌC TUẤN

THÔNG TƯ số 42/2003/TT-BTC ngày 07/5/2003 hướng dẫn bổ sung, sửa đổi Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài.

Thực hiện Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức

thuế Môn bài và Công văn số 492/VPCP-KTTH ngày 29/01/2003 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thuế Môn bài, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài và Thông tư số 113/2002/TT-BTC ngày 16/12/2002 hướng dẫn bổ sung Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính như sau:

1. Thay thế điểm 1 Mục I của Thông tư số 96/2002/TT-BTC và Thông tư số 113/2002/TT-BTC như sau:

“Các tổ chức kinh tế bao gồm:

- Các Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Doanh nghiệp tư nhân, Doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức và cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, các tổ chức, đơn vị sự nghiệp khác và tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập khác;

- Các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và các Quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là các Hợp tác xã);

- Các cơ sở kinh doanh là chi nhánh, cửa hàng, cửa hiệu (thuộc công ty hoặc thuộc chi nhánh)... hạch toán phục thuộc hoặc báo sổ được cấp giấy chứng nhận (đăng ký kinh doanh), có đăng ký nộp thuế, và được cấp mã số thuế (loại 13 số);

Các tổ chức kinh tế nêu trên nộp thuế Môn bài căn cứ vào vốn đăng ký ghi trong giấy chứng